



Member of ILAC/APAC MRA

## CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

*Certificate of Accreditation*

Phòng thí nghiệm/Laboratory:

**PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÒNG CHỐNG CHÁY  
VIỆN VẬT LIỆU VÀ KẾT CẤU XÂY DỰNG MIỀN NAM**

**FIRE PREVENTION LABORATORY  
SOUTHERN INSTITUTE OF MATERIALS AND CONSTRUCTION STRUCTURE**

Địa điểm PTN/Lab location:

**A408-A409, khu công nghiệp Vinatex Tân Tạo, xã Phước An và Hiệp Phước,  
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**

**A408-A409, Vinatex Tan Tao Industrial park, Phuoc An and Hiep Phuoc Communes,  
Nhon Trach District, Dong Nai Province, Vietnam**

Đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn  
*Has been assessed and found to conform with the requirements of standard*

**ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực công nhận/ Field of Accreditation

**Thử nghiệm Vật liệu xây dựng  
Construction Materials Testing**

Phụ lục chi tiết kèm theo QĐ số 6062/QĐ-VACI cấp ngày 07/ 11/ 2023  
*(Appendix attached with the Decision No.6062/QĐ-VACI dated 07/ 11/ 2023)*



**TS. Hoàng Hữu Thám**

Mã số/Accreditation No. **VALAS 122**

Ngày cấp / Date of issue: 07/ 11/ 2023

Công nhận lần đầu / First time accreditation: 07/ 11/ 2023

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: until 06/ 11/ 2028

Số: 6062 /QĐ-VACI

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp chứng chỉ công nhận**

**VIỆN TRƯỞNG**  
**VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HTCCLVN ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Hội Khoa học và Kỹ thuật về Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam về việc Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam;*

*Căn cứ Giấy chứng nhận số 3128/TĐC-HCHQ ngày 03/10/2019 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;*

*Căn cứ kết quả đánh giá và thẩm xét hồ sơ đánh giá.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Công nhận Phòng thí nghiệm:**

**Phòng Thí nghiệm Phòng chống Cháy**  
**thuộc Viện Vật liệu và Kết cấu Xây dựng Miền Nam**

Phù hợp theo yêu cầu Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đối với phạm vi đăng ký Công nhận cho lĩnh vực Thử nghiệm Vật liệu xây dựng tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Phòng thí nghiệm được sử dụng dấu công nhận: VALAS 122.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực vào ngày 06 tháng 11 năm 2028

**Điều 3.** Văn phòng, phòng Nghiệp vụ 2 và Phòng thí nghiệm nêu ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu: P.NV2.





PHỤ LỤC  
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 6062/QĐ-VACI ngày 07 tháng 11 năm 2023  
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Phòng chống cháy

Laboratory Fire Prevention Laboratory

Cơ quan chủ quản: VIỆN VẬT LIỆU VÀ KẾT CẤU XÂY DỰNG MIỀN NAM

Holding organization: SOUTHERN INSTITUTE OF MATERIALS AND CONSTRUCTION  
STRUCTURE

Lĩnh vực: Thử nghiệm Vật liệu xây dựng

Field of testing: Construction materials testing

Người phụ trách/ Representative: Võ Sỹ An

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

| TT | Họ và tên/Full name | Phạm vi được ký/Scope                                                                                            |
|----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Nguyễn Thanh Hưng   | Báo cáo/GCN kết quả thử nghiệm (đại diện pháp nhân)<br>Report/certificate of test results (legal representative) |
| 2. | Phan Đăng Hồng      | Báo cáo/GCN kết quả thử nghiệm (đại diện pháp nhân)<br>Report/certificate of test results (legal representative) |
| 3. | Võ Sỹ An            | Tất cả các phép thử được công nhận<br>All accredited tests                                                       |
| 4. | Văn Công Chiến      | Tất cả các phép thử được công nhận<br>All accredited tests                                                       |



Số hiệu/Code: VALAS 122

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: 06/ 11/ 2028

Địa chỉ văn phòng/Headquarters:

Số 98 Vũ Tông Phan, khu phố 5, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

No.98 Vu Tong Phan, Residential group 5, An Phu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Lab Location: :

A408-A409, khu công nghiệp Vinatex Tân Tạo, xã Phước An và Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

A408-A409, Vinatex Tan Tao Industrial park, Phuoc An and Hiep Phuoc Communes, Nhon Trach District, Dong Nai Province, Vietnam

Số điện thoại/Phone: 0903.425.077

Email: sims@sims.com.vn

Ngày ban hành: 18/04/2021

Lần ban hành: 02

VACI.P7.1.F19

Trang 1/2

**Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng**

*Field of testing: Construction materials*

| STT<br>No. | Tên sản phẩm, vật<br>liệu thử<br><i>Materials or<br/>products tested</i>                 | Tên phương pháp thử<br>cụ thể<br><i>Name of specific tests</i> | Giới hạn định<br>lượng (nếu có) /<br>phạm vi đo<br><i>Limit of quantitation<br/>(if any)/ range of<br/>measurement</i> | Phương pháp thử<br><i>Test methods</i>                                                                                                        |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.         | <b>Cửa đi, cửa cuốn,<br/>cửa trượt</b><br><i>Doors, rolling<br/>doors, sliding doors</i> | Khả năng chịu lửa<br><i>Fire resistance</i>                    | Đến/ <i>Up to</i><br>1200 °C                                                                                           | TCVN 9383:2012;<br>BS EN 1364-1:2014 +<br>A1:2018;<br>UL 10B:2019;<br>UL 9:2009;<br>NFPA 252:2022;<br>BS EN 1363-1:2020;<br>BS EN 1363-2:1999 |
| 2.         | <b>Màn ngăn cháy</b><br><i>Fire screens</i>                                              | Khả năng chịu lửa<br><i>Fire resistance</i>                    | Đến/ <i>Up to</i><br>1200 °C                                                                                           | TCVN 9383:2012;<br>BS EN 1364-1:2014 +<br>A1:2018;<br>BS EN 1363-1:2020;<br>BS EN 1363-2:1999                                                 |
| 3.         | <b>Cửa tầng thang<br/>máy</b><br><i>Elevator floor door</i>                              | Khả năng chịu lửa<br><i>Fire resistance</i>                    | Đến/ <i>Up to</i><br>1200 °C                                                                                           | TCVN 6396-58:2010<br>(BS EN 81-58:2003)                                                                                                       |

**Ghi chú / Note:**

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam / *Vietnam Standards*;
- BS EN: Tiêu chuẩn Vương Quốc Anh / *The British Standards European Norm*;
- UL: Tổ chức hợp tác giữa các phòng thí nghiệm/ *Underwriters Laboratory*;
- NFPA: Hiệp hội Phòng cháy Quốc gia / *National Fire Protection Association*.